

# XÂY DỰNG VÀ CÙNG CỐ KHỐI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở TÂY NGUYÊN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PGS, TS TRƯƠNG MINH DỤC\*

**T**rong thời kỳ đổi mới, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta nhằm tập trung phát triển kinh tế - xã hội, củng cố, xây dựng khối đoàn kết các dân tộc thiểu số (DTTS) ở Tây Nguyên được đặt trong bối cảnh chung của quá trình thực hiện chính sách dân tộc trong cả nước. Quán triệt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, các đảng bộ trên địa bàn Tây Nguyên đã ban hành nhiều chỉ thị, đề ra các kế hoạch cụ thể với bước đi phù hợp thực tiễn địa phương, góp phần xây dựng khối đoàn kết các DTTS trên địa bàn Tây Nguyên. Kết quả thể hiện trên một số lĩnh vực sau:

*Tập trung hoàn thành công tác định canh, định cư (ĐCĐC), ổn định và phát triển sản xuất, từng bước cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc*

Quán triệt Nghị quyết 22, ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị và Quyết định 72, ngày 13-3-1990 "Về một số chủ trương chính sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội miền núi" của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), các đảng

bộ trên địa bàn Tây Nguyên đã gắn chặt cuộc vận động ĐCĐC với tổ chức lại sản xuất, thực hiện giao đất giao rừng, phát triển ngành nghề, chăm lo công tác giáo dục, y tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Trong các năm 2000-2005, ngân sách Nhà nước đã đầu tư hơn 195 tỷ đồng để thực hiện các dự án ĐCĐC vùng đồng bào các DTTS Tây Nguyên. Trong đó, nguồn vốn Trung ương bố trí 42 tỷ đồng phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc các dự án ĐCĐC, còn lại là ngân sách của các tỉnh.

Đến năm 2005, toàn vùng Tây Nguyên có 160.440 hộ với 913.185 nhân khẩu đã cơ bản hoàn thành ĐCĐC, chiếm 82,7% số hộ đồng bào DTTS tại chỗ thuộc diện ĐCĐC; chiếm 71,3% tổng số hộ DTTS tại chỗ. Tỉnh Kon Tum đạt 83% số hộ đồng bào dân tộc ĐCĐC; Gia Lai đạt 85%; Đắk Lắk đạt 76,8%; Lâm Đồng cơ bản hoàn thành công tác ĐCĐC. Trong đó có 51,5% số hộ đã ĐCĐC vững chắc; sản xuất và đời sống của đồng bào ĐCĐC có những mặt tiến bộ đáng kể, số hộ nghèo ngày càng giảm.

\* Học viện CT-HC Khu vực III

Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị, NQTƯ 7 (Khoá IX), Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (ngày 18-1-2002) *Về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001- 2010* đã định rõ: nhiều chính sách ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế-xã hội miền núi, vùng đồng bào các DTTS ở Tây Nguyên nhằm từng bước mang lại cho đồng bào những lợi ích thiết thực về kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng khối đoàn kết các dân tộc ngày càng bền vững.

Thông qua Chương trình 135 và một số chương trình lồng ghép khác, Nhà nước đã đầu tư 750 tỷ đồng cho 163 xã và hàng trăm buôn đặc biệt khó khăn ở Tây Nguyên, tính trung bình đạt 2,5 tỷ đồng/1 xã, giúp các xã này xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội. Đến nay, các tỉnh Tây Nguyên đã xây dựng được 278 hạng mục giao thông nông thôn, 202 công trình thủy lợi, 141 công trình điện hạ thế, 345 trường học với 1.271 phòng học...

Nguồn vốn đầu tư từ Trung ương và địa phương thông qua Chương trình xoá đói giảm nghèo ngày càng tăng: ngân sách Trung ương đầu tư 350 tỷ đồng; các tỉnh Tây Nguyên đầu tư từ ngân sách địa phương 210 tỷ đồng; bố trí lồng ghép từ các chương trình, dự án huy động cộng đồng 120 tỷ. Nguồn vốn tín dụng đã huy động thêm khoảng 300 tỷ đồng, tập trung cho công tác xoá đói giảm nghèo vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS tại chỗ. Hàng năm, Trung ương cân đối từ 40 - 45 tỷ đồng để thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển một số mặt hàng thiết yếu. Hỗ trợ đời sống trung bình 500.000 đồng/hộ, cho vay sản xuất trung bình 1 triệu đồng/hộ. Nhờ đó, đã có 1,05 triệu lượt hộ

được cấp phát miễn phí nhiều mặt hàng (vải, dầu hoả, thuốc chữa bệnh, sách vở, tiền điện); 853.000 lượt hộ được hỗ trợ khuyến nông và cấp giống sản xuất<sup>1</sup>.

Thực hiện Quyết định 168/2001/QĐ-TTg ngày 30-10-2001 và Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 15-10-2002 của Thủ tướng Chính phủ, đến 2005 toàn vùng Tây Nguyên đã giao được 19.615 ha đất sản xuất cho 43.890 hộ đồng bào DTTS, đạt 51,4% về diện tích và 52,8% về số hộ; giao 486.000 ha rừng và đất lâm nghiệp cho 26.000 hộ, bình quân 18,6 ha/hộ, trong đó 60% số hộ là đồng bào DTTS; tạo việc làm mới cho 93.810 lao động/năm, trong đó 15% là DTTS, bằng các nguồn vốn vay từ quỹ hỗ trợ việc làm.

Nhờ đó, tỷ lệ hộ đói nghèo ngày càng giảm. Năm 2001 là 21,11%, năm 2005 giảm xuống còn 8,67% (theo tiêu chí cũ); năm 2005 từ 28,52% (theo tiêu chí mới) xuống còn 22,85% năm 2006, riêng vùng DTTS từ 58,8% còn 51%. Tỉnh Gia Lai giảm từ 22,4% năm 2001 xuống còn 15,52% năm 2003<sup>2</sup>; tỉnh Đắk Lắk năm 2001 số hộ đói nghèo là 94.477 hộ, chiếm tỷ lệ 25,55% số hộ toàn tỉnh, đến cuối năm 2003 đã giảm 40.688 hộ, còn 53.789 hộ, chiếm tỷ lệ 14,6%. Bình quân mỗi năm giảm được 3,65% số hộ đói nghèo<sup>3</sup>.

Nhiều hộ đồng bào DTTS đã tranh thủ sự tương trợ giúp đỡ của Đảng, Nhà nước đầu tư mở rộng sản xuất, bố trí lại mùa vụ và cây trồng hợp lý, mạnh dạn chuyển sang sản xuất hàng hoá, hình thành các trang trại với diện tích từ 5 - 10 ha, có trang trại tới 50 ha. Nhờ đó, thu nhập của đồng bào DTTS ngày một cao. Xã Ea Phê, huyện Krông Pắc (Đắk Lắk) có 1.160 hộ, trong

đó có 768 hộ đồng bào sản xuất giỏi, thu nhập hàng năm từ 12 triệu đồng trở lên, có hộ thu nhập trên 100 triệu đồng/năm từ VAC. Nhiều hộ trồng cà phê đạt 3 - 4 tấn/ha, làm lúa đạt 8 - 10 tấn/ha.

Giải quyết vấn đề xoá đói, giảm nghèo ở Tây Nguyên không chỉ có ý nghĩa kinh tế - xã hội mà còn là vấn đề chính trị, vấn đề củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, qua đó góp phần tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng vững mạnh.

***Chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục, y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân***

Thực hiện chủ trương của Đảng, các tỉnh quan tâm đầu tư cho sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, chăm lo đời sống đồng bào các DTTS vùng sâu, vùng xa.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền hình, báo chí được tăng cường đã góp phần quan trọng đưa đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến cũ.

Ngành giáo dục Tây Nguyên đã đầu tư 52,4 tỷ đồng xây dựng cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, đầu tư kiện toàn hệ thống các trường, lớp bán trú đến cụm xã, tạo nguồn cho các trường trung học chuyên nghiệp và đại học để đào tạo cán bộ cho các dân tộc. Hệ thống trường dân tộc nội trú ở Tây Nguyên đã hình thành đều khắp các tỉnh và huyện; trong số đó có 65% trường phổ thông dân tộc nội trú được xây dựng tương đối kiên cố, có nhà ở, lớp học khang trang. Nhờ vậy, trong những năm gần đây, tình hình giáo dục - đào tạo vùng DTTS ở

Tây Nguyên đã có những bước chuyển biến rõ rệt. Năm học 2005 - 2006, toàn vùng Tây Nguyên có 2.331 trường, 37.487 phòng học, 46.334 lớp và 1.417.296 học sinh; trong đó có 491.663 học sinh DTTS, chiếm 34,07%; số học sinh trong các trường dân tộc nội trú là 7.900 em. So với năm 2001 - 2002, số học sinh DTTS đã tăng 39%, trong đó trung học cơ sở tăng cao nhất (56%). Trong 5 năm (2001 - 2005), toàn vùng đã xây dựng, sửa chữa 6.800 phòng học trong vùng DTTS, trong đó 1.300 phòng thuộc chương trình 159; hàng năm cơ bản đáp ứng đủ sách giáo khoa cho học sinh DTTS.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực trong đồng bào DTTS cũng được chú trọng. Trường Đại học Tây Nguyên và Đại học Đà Lạt đã trở thành những trung tâm đào tạo lớn của khu vực Tây Nguyên. Đến năm 2002, Đại học Tây Nguyên đã đào tạo được 5.589 sinh viên tốt nghiệp ra trường (gồm 2.070 bác sĩ, 2.436 kỹ sư nông lâm, 833 cử nhân sư phạm, 250 cử nhân kinh tế), trong số đó có 688 sinh viên người DTTS, chiếm 12%. Số sinh viên DTTS này đã bố trí công tác đạt 98%. Hàng năm các tỉnh đều thực hiện chính sách cử tuyển đối với con em các DTTS. Chỉ tính riêng ở tỉnh Đắk Lắk, năm học 2003-2004 đã cử tuyển được 2.861 em vào học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp<sup>4</sup>.

Sự nghiệp phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào các DTTS có nhiều tiến bộ. Đến nay, các tỉnh Tây Nguyên cơ bản đã xoá xã trắng về y tế trong vùng DTTS, với 70% số xã có bác sĩ, 11.000 cán bộ y tế phục vụ các xã vùng 3; điều trị và phòng chống có hiệu quả một số bệnh xã hội, bệnh phong, broun cổ. Bệnh sốt rét giảm

80%, bệnh bướu cổ giảm 92% so với 5 năm trước. Chương trình tiêm chủng mở rộng phòng các bệnh nguy hiểm ở trẻ em đã được ngành y tế tổ chức đến tận buôn, làng, xã xa xôi hẻo lánh. Trong 5 năm (2000-2004) đã cấp không thu tiền thuốc chữa bệnh cho các đối tượng chính sách, hộ đồng bào các DTTS là 7,84 tỷ đồng; 1.187.000 đồng bào các DTTS ở nông thôn được sử dụng nước sạch, chiếm 31,5% dân số nông thôn.

### ***Quan tâm đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số vững mạnh***

Trước yêu cầu của thời kỳ đổi mới, đảng bộ các tỉnh Tây Nguyên đặc biệt quan tâm chú ý xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc các cấp có đủ năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Năm 2001, Tây Nguyên có 11.433 cán bộ xã, phường, thị trấn là người DTTS. Ở cấp huyện, mặc dù dân số các DTTS ở Tây Nguyên chiếm khoảng 30 - 35% dân số toàn Tây Nguyên, nhưng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện là người DTTS chiếm khoảng 26% tổng số cán bộ cấp huyện toàn vùng<sup>5</sup>. Đến năm 2005, đội ngũ cán bộ là người DTTS ở cấp cơ sở có 14.400 người, chiếm 35,07% tổng số cán bộ công chức cấp xã, tăng thêm 2.967 người so với năm 2001.

Cùng với việc bố trí, sử dụng, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người DTTS cũng được quan tâm hơn. Tính riêng ở tỉnh Đắk Lắk, từ năm 1999 đến nay, không kể cán bộ DTTS theo học các ngành học khác, toàn tỉnh có 336 cán bộ học chương trình chính trị từ trung cấp trở lên. Năm 2004, tỉnh Đắk Lắk cũng đã tổ chức mở được 8 lớp bồi dưỡng cán bộ cấp cơ sở cho 10 xã đặc biệt khó khăn thuộc các

huyện: Krông Bông, M'Đrăc, Lắk, EaH'leo với 316 lượt người tham gia.

### ***Từng bước làm thất bại âm mưu phá hoại, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số vào sự nghiệp đổi mới***

Trong quá trình hiện đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên ngày càng vững mạnh. Song trên thực tế, việc đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn ở Tây Nguyên còn nhiều hạn chế, bất cập. Lợi dụng những sơ hở, thiếu sót đó, các thế lực thù địch trong nước cấu kết với bọn phản động lưu vong ở nước ngoài ra sức truyền truyền, xuyên tạc, rằng người Kinh chiếm đất; chính quyền đàn áp, bắt giữ, bỏ tù người DTTS, nhằm gây chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên. Chúng đã gây ra cuộc bạo động chính trị năm 2001 và năm 2004, lôi cuốn hàng trăm người, đa số là đồng bào các DTTS tham gia. Chúng còn tổ chức cho hàng trăm, đến hàng nghìn người vượt biên trái phép, với số lượng lớn (năm 2001 có gần 2.000 người, năm 2003 là 238 người)<sup>6</sup>.

Ngay sau các vụ bạo động chính trị, đảng bộ và chính quyền các tỉnh Tây Nguyên đã thực hiện nhiều biện pháp giúp đồng bào các DTTS ổn định cuộc sống. Đồng thời, thường xuyên truyền truyền, giáo dục, vận động đồng bào các DTTS phát huy tinh thần đoàn kết, không nghe theo lời xúi giục của kẻ xấu; kiên quyết trấn áp bọn phản động, ngăn chặn vượt biên trái phép; tập trung giải quyết có hiệu quả các vụ việc bức xúc trong đồng bào các DTTS.

Từ năm 2001 đến 2005, chúng ta đã bóc gỡ vô hiệu hoá, bắt tạm giữ, xét xử trước pháp luật, kiểm điểm trước dân, giao cho các buôn, làng quản lý, giáo dục trên 2.800 đối tượng, làm tan rã nhiều tổ chức phản động. Năm 2003, chúng ta đã phát hiện và bóc gỡ 824 cơ sở ngầm, trong đó, tỉnh Đắk Lắk: 349 cơ sở; tỉnh Gia Lai: 363 cơ sở. Kon Tum: 65 cơ sở, Lâm Đồng 47 cơ sở. Năm 2004, chúng ta tiếp tục bóc gỡ 421 đối tượng, trong đó, tỉnh Đắk Lắk: 100 đối tượng; tỉnh Gia Lai: 90 đối tượng, tỉnh Đắk Nông: 231 đối tượng. Chính quyền địa phương đã tổ chức đưa 1.000 đồng bào DTTS vượt biên trái phép trở về, giúp họ ổn định cuộc sống<sup>8</sup>.

Những kết quả đạt được trên đây đã góp phần làm cho tình hình an ninh chính trị ở Tây Nguyên đã dần trở lại ổn định.

Tuy nhiên, vẫn còn không ít những hạn chế, thiếu sót cần phải khắc phục, đó là:

Chính sách quản lý và sử dụng đất đai chưa thoả đáng, dẫn đến tình hình tranh chấp đất đai giữa đồng bào các dân tộc với một số nông, lâm trường quốc doanh; giữa đồng bào di kinh tế mới với đồng bào tại chỗ...

Việc triển khai thực hiện các chương trình ĐCĐC thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp; chưa lồng ghép tốt giữa các chương trình với nhau.

Công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng chưa được quan tâm đúng mức; tính chiến đấu chưa cao, tình trạng mất đoàn kết nội bộ còn xảy ra trong một số tổ chức cơ sở đảng.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể ở cơ sở chưa sát dân, gần dân, chưa hiểu được tâm tư, nguyện vọng của dân. Đội ngũ cán bộ người DTTS còn yếu cả về trình độ

và năng lực chuyên môn; tâm lý tự ty, thụ động trong công việc, ỷ lại vào cấp trên vẫn còn tồn tại khá phổ biến.

Kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất của đồng bào DTTS chưa thực sự vững chắc.

Hiện tại vẫn còn 60.496 hộ DTTS tại chỗ trong diện đói nghèo, chiếm 26,9% hộ DTTS. Toàn vùng Tây Nguyên có 58,08% số hộ đồng bào DTTS thuộc diện đói nghèo, trong đó, tỉnh Đắk Lắk có 59,9%; tỉnh Gia Lai có 78,9%; tỉnh Lâm Đồng có 48,8%; tỉnh Kon Tum trên 80%.

Công tác truyền truyền, giáo dục, vận động đồng bào dân tộc ở nhiều nơi, nhiều lúc còn buông lỏng và xem nhẹ, nặng về hình thức, chủ yếu mới dừng lại ở cán bộ, đảng viên mà chưa đến được với đông đảo đồng bào các DTTS. Vì thế, vẫn còn một bộ phận không nhỏ đồng bào DTTS mơ hồ, căm tin vào những lời dụ dỗ của kẻ xấu.

Từ những kết quả đạt được và những hạn chế, thiếu sót trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên thời kỳ đổi mới, có thể rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng và tổ chức thực hiện của các cấp ủy Đảng, chính quyền*

Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc vững mạnh là một chủ trương lớn, một trong những nội dung cơ bản, cốt lõi trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Trên cơ sở chủ trương, đường lối chung của Đảng, các đảng bộ ở Tây Nguyên phải bám sát vào đặc điểm, điều kiện cụ thể và yêu cầu của mỗi địa phương để đề ra các chính sách, giải pháp phù hợp. Một đặc

điểm của quá trình xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên là phải luôn gắn liền với việc thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng, giữ gìn sự đoàn kết lương - giáo; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng.

*Thứ hai, chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội phải xuất phát từ thực tiễn khách quan, phù hợp với đặc điểm Tây Nguyên, đáp ứng nguyện vọng của đồng bào các dân tộc thiểu số*

Nhờ có chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, bộ mặt kinh tế - xã hội vùng đồng bào các DTTS ở Tây Nguyên đã có những thay đổi rõ rệt, đang từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển về mọi mặt, qua đó xây dựng khối đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau.

*Thứ ba, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc là nhiệm vụ và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn dân*

Mọi chính sách phát triển của các ngành, các cấp đều có nhiệm vụ thực hiện đoàn kết dân tộc; và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc phải được thể hiện qua hoạt động của các ngành, các lĩnh vực. Điều quan trọng là phải luôn bám sát cơ sở, bám sát quần chúng, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng đang còn nhiều khó khăn.

Đề tạo thêm sức mạnh cho hệ thống chính trị ở cơ sở, ổn định tình hình, về lâu dài, cần phải tạo dựng lực lượng chính trị trong vùng đồng bào các DTTS, để họ tự đảm nhận công việc tại cơ sở. Để làm được điều này, cần phải tiếp tục kiện toàn và nâng cao vai trò hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, trước hết phải

xoá đi những điểm trắng đảng viên trong các thôn, buôn đồng bào các DTTS; tăng cường đào tạo, sử dụng cán bộ người dân tộc.

*Thứ tư, tranh thủ sự hợp tác và ủng hộ của già làng, trưởng bản*

Theo mô hình truyền thống ở vùng đồng bào DTTS, mỗi buôn làng có một hội đồng già làng do tập thể dân làng bầu ra để quản lý những công việc của làng. Già làng có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội ở các buôn làng của đồng bào DTTS. Ngày nay mỗi trường sống của đồng bào dân tộc thiểu số có sự thay đổi. Khả năng và xu hướng phát triển văn hoá, xã hội của các tộc người được mở rộng. Các tộc người cư trú đan xen tạo nên sự giao lưu, ảnh hưởng lẫn nhau về phong tục, tập quán, văn hoá, vai trò tuyệt đối của già làng truyền thống được thay thế bằng mô hình mới "tập thể quản lý, cá nhân phụ trách".

Do tác động của các điều kiện mới, vai trò và uy tín của già làng, trưởng bản so với trước đây tuy có giảm, nhưng ảnh hưởng của họ còn rất đậm nét trong vùng đồng bào DTTS. Vì vậy, phải tranh thủ sự ủng hộ của già làng, lôi cuốn họ tham gia tích cực vào việc xây dựng và củng cố khối đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên.

*Thứ năm, giải quyết dứt điểm những vấn đề gây bức xúc trong đồng bào các dân tộc thiểu số, đặc biệt là vấn đề đất đai và tài nguyên rừng*

Đất đai và rừng là những tư liệu sản xuất, nguồn lợi sống đã gắn bó lâu đời với đồng bào các DTTS tại chỗ ở Tây Nguyên. Thiếu đất sản xuất và nguồn lợi sống từ rừng, cho dù bắt nguồn từ sự bất bình đẳng trong quá khứ hay do đất đai và rừng ngày càng khan hiếm bởi nhiều

lý do khác nhau, đều tác động sâu rộng đến an ninh nông thôn vùng DTTS ở Tây Nguyên, gây mất đoàn kết giữa các dân tộc. Thực tế đó chứng tỏ, việc giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc về đất đai và rừng đối với đồng bào các DTTS tại chỗ có ý nghĩa quan trọng, không chỉ giảm bớt các xung đột, tránh được nguy cơ tiềm ẩn về các cuộc gây rối, biểu tình, bạo loạn - mà còn tạo ra cơ hội xoá đói giảm nghèo bền vững trong đồng bào DTTS.

*Thứ sáu, phải thực hiện đoàn kết trong nội bộ mỗi dân tộc; đoàn kết giữa các dân tộc thiểu số với nhau; đoàn kết giữa dân tộc bản địa với dân tộc mới chuyển đến; đoàn kết giữa dân tộc Kinh với các dân tộc thiểu số; trong đó đoàn kết trong đội ngũ cán bộ, đảng viên các dân tộc là nòng cốt, hạt nhân*

Tây Nguyên là địa bàn cư trú của cư dân 46 tộc người, trong đó có 20 tộc người là cư dân bản địa cư trú từ lâu đời. Thành phần cư dân tương đối đa dạng, vì có nguyên quán từ hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước. Các dân tộc cư trú đan xen nhau. Trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, các dân tộc đã kề vai sát cánh, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau để bảo vệ độc lập dân tộc, giải phóng quê hương. Trong sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN hiện nay, đồng bào các dân tộc đã thực hiện đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau để xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo ngày một sâu sắc, tình trạng di dân tự do, tranh chấp đất đai, những yếu kém trong việc vận dụng và thực hiện chính sách dân tộc... tác động tiêu cực đến khối đoàn kết các dân tộc. Kinh nghiệm

thực tiễn cho thấy, cùng với việc chăm lo phát triển kinh tế, phải quan tâm đến việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc: đoàn kết, giúp đỡ giữa dân tộc Kinh với các DTTS; giữa các DTTS tại chỗ và các DTTS mới chuyển đến; đoàn kết trong nội bộ từng tộc người. Nhân tố để thực hiện đại đoàn kết dân tộc là đội ngũ cán bộ. Do đó, phải xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đủ năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, kết hợp giữa cán bộ người Kinh và cán bộ các DTTS vì mục tiêu xây dựng cuộc sống các dân tộc ấm no, hạnh phúc và ngày càng phát triển.

*Thứ bảy, chú trọng công tác truyền truyền, giáo dục, vận động đồng bào tham gia xây dựng khối đoàn kết các dân tộc thiểu số*

Công tác truyền truyền, giáo dục, vận động đồng bào các DTTS cần phải quán triệt và thực hiện các yêu cầu sau:

Phải làm nhiều hơn nói, làm phải có hiệu quả thiết thực; nói phải đúng điều đồng bào cần nghe, không nói suông, hứa suông. Bởi vì hầu hết đồng bào DTTS vốn có tính thật thà. Đối với họ, cái gì đã hứa là phải làm, chưa làm được thì không nên hứa; đã hứa mà không làm rất dễ làm cho đồng bào nghi ngờ, mất lòng tin. Mà mỗi khi đã mất lòng tin thì rất khó thuyết phục, vận động đồng bào.

Phải biết lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, thực hiện 4 cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng dân tộc và phương châm 3 trực tiếp: trực tiếp đến tận nhà dân, trực tiếp nghe dân nói và nói cho dân nghe, trực tiếp làm để dân tin. Có như vậy mới cảm hoá, vận

động được đông đảo đồng bào các DTTS tham gia vào xây dựng khối đoàn kết các dân tộc.

Quá trình xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên cũng chính là quá trình kiên quyết đấu tranh chống lại mọi hành vi gây chia rẽ dân tộc, phá hoại khối đoàn kết dân tộc; ngăn ngừa tư tưởng dân tộc lớn, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, cục đoman, cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

---

1. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên: *Tư liệu về tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội và một số vấn đề liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên*. tháng 5 - 2005, tr. 54 - 60. Các số liệu không chú thích trong công trình này được sử dụng từ tư liệu này.

2. Tỉnh uỷ Gia Lai: *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng, củng cố các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn từ khi xây ra sự kiện chính trị-xã hội đầu 2001 đến nay*, 3-2004, tr.6.

3. UBND tỉnh Đắk Lắk: *Báo cáo tình hình công tác dân tộc năm 2004- Phương hướng, nhiệm vụ công tác dân vận năm 2005*, tr.7

4. UBND tỉnh Đắk Lắk: *Báo cáo tổng kết công tác dân tộc năm 2004- Phương hướng, nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2005*, tr.11

5. *Thực trạng đời ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện là người DTTS ở Tây Nguyên*, Kỷ yếu khoa học. Học viện Chính trị khu vực III, tr.31

6. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên: *Báo cáo về thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18 - 1 - 2002 của Bộ Chính trị "Về phát triển kinh tế-xã hội và quốc phòng, an ninh Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010*, tr.7

7. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên: *Báo cáo về thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18 - 1 - 2002 của Bộ Chính trị "Về phát triển kinh tế-xã hội và quốc phòng, an ninh Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2010*, tr.7 - 9.

## **TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH...**

*(Tiếp theo trang 22)*

Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng tôn giáo nói chung, đoàn kết lương giáo nói riêng, Đại hội X tiếp tục khẳng định quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng là: "Đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế- xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo"<sup>11</sup>. Đó chính là quan điểm nhất quán, đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta đối với tôn giáo dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh.

---

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.3, tr.431

2. *Sđd*, T.6, tr. 225

3, 8, 9. *Sđd*, T.5, tr.197, 44, 422

4, 5. *Sđd*, T.7, tr.197, 438

6. *Sđd*, T.11, tr.314

7, 10. *Sđd*, T.4, tr. 7-9, 420

11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H, 2006, tr.122-123.